

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Trọng Khôi
- Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã T, huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp Đại Thôn B, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. **Bị đơn:** Anh Võ Tấn P, sinh năm 1987 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Giữa chị và anh P thành hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/10/2014. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, do anh P chạy xe tải, cờ bạc gây ra nợ nần vợ chồng không còn chung sống từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay. Chị xét thấy không còn

tình cảm nên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh P. Về con chung: có 02 con chung tên Võ Tấn Đạt, sinh ngày 19/9/2015 và Võ Tấn Thành, sinh ngày 10/10/2018 hiện đang sống chung với anh P. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng/ 01 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Tấn P trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị C về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng sau này cũng phát sinh mâu thuẫn từ kinh tế trong gia đình nên chị C bỏ về cha, mẹ ruột từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay. Theo yêu cầu ly hôn của chị C thì anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ. Về con chung: có 02 con chung tên Võ Tấn Đ, sinh ngày 19/9/2015 và Võ Tấn T, sinh ngày 10/10/2018 hiện đang sống chung với anh. Trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị C thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị C và anh P thuận tình ly hôn, về con chung chị C và anh P thỏa thuận đồng ý cho anh P tiếp tục nuôi. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Tấn P, có địa chỉ ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị C và anh Võ Tấn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 104, chị C và anh P kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị C cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống do anh P lái xe tải, cờ bạc gây ra nợ nên vợ chồng không còn chung

sống từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay. Anh P cũng xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân từ kinh tế trong gia đình nên chị C bỏ về cha, mẹ ruột từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay. Hiện tại chị C xác định không còn tình cảm với anh P và kiên quyết được ly hôn với anh P. Tòa án đã nhiều lần hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị C và anh P là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Tấn Đ, sinh ngày 19/9/2015 và Võ Tấn T, sinh ngày 10/10/2018 hiện đang sống chung với anh P. Hiện tại anh P có cung cấp được mức thu nhập thực tế hàng tháng 15.000.000đồng từ nguồn thu 01 ha trồng cây ăn trái và nghề tài xế lái xe. Con chung Võ Tấn Đ có ý kiến nguyện vọng muốn sống với anh P. Mặt khác, sau khi ly thân đến nay thì hai con chung sống với anh P cuộc sống cũng đảm bảo. Tại phiên tòa chị C đồng ý để hai con chung cho anh P nuôi, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh P là người trực tiếp nuôi con và hiện tại có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm chị C phải nộp 300.000đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân:

Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Võ Tấn P.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Võ Tấn Đ, sinh ngày 19/9/2015 và Võ Tấn T, sinh ngày 10/10/2018 cho anh P nuôi, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Trâm đã nộp theo biên lai thu số 0014790 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
 - Thi hành án dân sự huyện K;
 - Ủy ban nhân dân xã T, huyện T
- (Giấy kết hôn số: 104, ngày 08/10/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong